TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Ông Ngô Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Trang Thanh – Thư ký Toà án nhân dân quận D, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *NgU đơn:* Chị Phạm Thị H; nơi cư trú: Số 1 Tổ dân phố Phúc Hải phường Đa Phúc, quận D, H; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Đức H; nơi cư trú: Tổ 4, khu Vọng Hải, phường Hưng Đạo, quận D, H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, ngU đơn là chị Phạm Thị H Trình bày trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 2 năm 2011 tại UBND phường Đa Phúc, quận D, thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn; ngU nhân mâu thuẫn là do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác và không

còn quan tâm tới vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên kHên bảo nhưng tình cảm không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đã cHển về nhà mẹ đẻ sống, hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Phạm Giáng N, sinh ngày 18/8/2012 và cháu Đỗ Phạm Giáng U, sinh ngày 18/8/2019. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con, vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cũng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Đức H nhưng anh H không cung cấp lời khai, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị H.

Tòa án đã tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi chị H và anh H sinh sống và gia đình hai bên thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn: Cho chị H được ly hôn anh H và giao con chung là cháu Đỗ Phạm Giáng N, sinh ngày 18/8/2012 và cháu Đỗ Phạm Giáng U, sinh ngày 18/8/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung, hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14 tháng 2 năm 2011 tại UBND phường Đa Phúc, quận D, thành phố H; theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Phạm Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận D giải quyết việc ly hôn; anh Đỗ Đức H hiện đang cư trú tại phường Đa Phúc, quận D, thành phố H nên theo khoản 1

Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: anh Đỗ Đức H đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, song vắng mặt không có lý do; chị H đã được tống đạt quyết định hoãn phiên tòa song có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Đức H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định Luật hôn nhân và gia đình. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại, chị H đã về nhà mẹ đẻ sống. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ qua lời khai của gia đình, chính quyền địa phương xác định: hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại, chị H và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải song không tiến hành hòa giải được do anh H vắng mặt. Tại phiên tòa, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Căn cứ vào quy định của pháp luật và thực tế, đủ cơ sở xác định hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

- Về con chung:

[4] Chị H và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Phạm Giáng N, sinh ngày 18/8/2012 và cháu Đỗ Phạm Giáng U, sinh ngày 18/8/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị H đề nghị được nuôi cả hai con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung tuy nhiên theo gia đình anh H cung cấp, anh H có nguyện vọng được nuôi cháu Giáng U. Hội đồng xét thấy: cháu Đỗ Phạm Giáng U dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...", cháu Đỗ Phạm Giáng N có đơn đề nghị muốn ở với mẹ; chị H cũng đủ các điều kiện để nuôi con chung (có công việc, thu nhập ổn định). Do đó, yêu cầu của chị H về việc nuôi con chung là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp

nhận. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị H chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh H cho đến khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung:

[5] Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[6] Chị H là ngU đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo:

[7] Chị H và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Đỗ Đức H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi con chung là cháu Đỗ Phạm Giáng N, sinh ngày 18/8/2012 và cháu Đỗ Phạm Giáng U, sinh ngày 18/8/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Do chị H chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H cho đến khi có yêu cầu.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Tạm hoãn việc yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng cho đến khi chị H có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0013371 ngày 27/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố H. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Đỗ Đức H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND quận D;
- VKSND TP H;
- Tòa án nhân dân TP H;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường Đa Phúc, quận D, tp H (ĐKKH số 08/2011.Q01/2011);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Quang Trung